

**CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ KỶ
NGUYỄN XANH**

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ KỶ NGUYỄN XANH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: KY NGUYEN XANH INTERNATIONAL
TRADE DEVELOPMENT AND INVESTMENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: CTY ĐT & PTTMQT KỶ NGUYỄN XANH

2. Mã số doanh nghiệp: 0109560560

3. Ngày thành lập: 19/03/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 3a2 Khu nhà ở Ngọc Khánh , Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà
Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024 39361033

Fax:

Email: greenera68@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
2.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
3.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt Chi tiết: Chế biến và bảo quản thịt; Chế biến và bảo quản các sản phẩm từ thịt (không bao gồm thịt động vật hoang dã và những loại trong danh mục nhà nước cấm)	1010
4.	Chế biến và bảo quản rau quả Chi tiết: Sản xuất nước ép từ rau quả (trừ rượu và các loại đồ uống có chứa cồn)	1030
5.	Xay xát và sản xuất bột thô Chi tiết: Xay xát; Sản xuất bột thô	1061
6.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
7.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
8.	Sản xuất đường	1072
9.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
10.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
11.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn Chi tiết: Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn từ thịt; Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến từ thủy sản;	1075
12.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bao gồm sản xuất các loại trà dược thảo	1079

13.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
14.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa; Môi giới mua bán hàng hóa (không bao gồm môi giới chứng khoán, môi giới bảo hiểm và môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài)	4610(Chính)
15.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác; Bán buôn hoa và cây; Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu khác (trừ gỗ, tre, nứa) (không hoạt động tại trụ sở) (trừ các loại nhà nước cấm)	4620
16.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
17.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt (trừ thịt động vật thuộc danh mục nhà nước cấm); Bán buôn thủy sản; Bán buôn rau, quả; Bán buôn cà phê; Bán buôn chè; Bán buôn đường sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột; Bán buôn thực phẩm khác (bao gồm thực phẩm chức năng, thực phẩm bổ sung dinh dưỡng) (khoản 22, 23 Điều 2 Luật an toàn thực phẩm 2010)	4632
18.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép Chi tiết: Bán buôn vải; Bán buôn thảm, đệm, chăn, màn, rèm, ga trải giường, gối và hàng dệt khác; Bán buôn hàng may mặc; Bán buôn giày dép	4641
19.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác (không bao gồm các sản phẩm từ da, lông thú); Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế (điểm a, khoản 1 Điều 32 Luật Dược số 105/2016/QH13 ngày 06/04/2016) bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự;	4649

20.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc và thiết bị phụ tùng máy dệt, may, da giày; bán buôn máy móc và thiết bị y tế (Nghị định 36 NĐ-CP về quản lý trang thiết bị y tế ngày 15/05/2016)	4659
21.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh	4663
22.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp; Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp); Bán buôn cao su; Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép; Bán buôn hóa chất công nghiệp như: tinh dầu	4669
23.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket); Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket); Bán lẻ trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp khác (trừ thuốc lá ngoại)	4711
24.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket); - Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket); - Bán lẻ trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp khác	4719
25.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
26.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ thịt và các sản phẩm thịt trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ thủy sản trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ rau, quả trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
27.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ vải trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh;	4751

28.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
29.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh;	4759
30.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ hàng may mặc trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ giày dép trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác trong các cửa hàng chuyên doanh;	4771
31.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ dược phẩm, dụng cụ y tế trong các cửa hàng chuyên doanh (Nghị định 36/2016 ND-CP về quản lý trang thiết bị y tế ngày 15/05/2016) - Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán thuốc đông y, bán thuốc nam trong các cửa hàng chuyên doanh.	4772
32.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh;	4773
33.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ hàng may mặc đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ hàng hóa khác đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh.	4774

34.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: - Bán lẻ lương thực lưu động hoặc tại chợ; - Bán lẻ thực phẩm khô, thực phẩm công nghiệp, đường sữa bánh kẹo lưu động hoặc tại chợ; - Bán lẻ đồ uống lưu động hoặc tại chợ; - Bán lẻ thịt gia súc, gia cầm tươi sống, đông lạnh lưu động hoặc tại chợ; - Bán lẻ thủy sản tươi sống, đông lạnh lưu động hoặc tại chợ; - Bán lẻ rau quả lưu động hoặc tại chợ; - Bán lẻ thực phẩm chín lưu động hoặc tại chợ;	4781
35.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: Bán lẻ hàng dệt lưu động hoặc tại chợ; Bán lẻ hàng may mặc lưu động hoặc tại chợ; Bán lẻ giày dép lưu động hoặc tại chợ;	4782
36.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: - Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng lưu động hoặc tại chợ; - Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn lưu động hoặc tại chợ; - Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu lưu động hoặc tại chợ;	4784
37.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
38.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
39.	Dịch vụ phục vụ đồ uống Chi tiết: Quán cà phê, giải khát; Dịch vụ phục vụ đồ uống khác (trừ hoạt động quán rượu bia, quán bar và quán giải khát có khiêu vũ)	5630

6. Vốn điều lệ: 2.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN THU TRANG	Thôn Quỳnh Đô, Xã Vĩnh Quỳnh, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	1.100.000.000	55,000	013566575	
2	NGUYỄN THỊ THẠCH	Thôn Cơ Phi, Xã Vạn Phái, Thị xã Phổ Yên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam	900.000.000	45,000	090459373	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN THU TRANG

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 24/10/1986

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 013566575

Ngày cấp: 25/10/2012

Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Quỳnh Đô, Xã Vĩnh Quỳnh, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Quỳnh Đô, Xã Vĩnh Quỳnh, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội